



CORE BANKING

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGHIỆP VỤ VÀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TRÊN NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG HIỆN ĐẠI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS. TS. TRẦN HUY HOÀNG

Đã từ lâu, các nhà chiến lược ngân hàng đã xem công nghệ ngân hàng là lĩnh vực cần phải được các ngân hàng thương mại chú trọng, vì đây là phương tiện chủ lực để rút ngắn khoảng cách phát triển so với ngân hàng của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

1. Core Banking và các tiện ích của Core Banking:

Core Banking (CB) được định nghĩa là phần mềm quản lý ngân hàng được xây dựng trên nền tảng công nghệ cơ sở dữ liệu tiên tiến để ngân hàng thiết kế và triển khai các sản phẩm dịch vụ, quản lý tài sản và hệ thống khách hàng. Năng lực công nghệ của hệ thống này cho phép ngân hàng cung cấp dịch vụ bảo mật hơn, tốt hơn và nhanh hơn.

Một CB hiện đại phải đáp ứng được yêu cầu quản lý chặt chẽ, đầy đủ và phải có tính mở khi ngân hàng triển khai thêm các sản phẩm mới của mình. Hơn thế nữa, CB phải được thiết lập trên quan điểm lấy khách hàng làm trung tâm, theo đó, các khách hàng chỉ cần đưa ra yêu cầu của mình, sau đó toàn bộ các vấn đề từ A đến Z sẽ được xử lý hoàn toàn tự động và tập trung về một đầu mối thống nhất, không còn chuyện mỗi bộ phận của ngân hàng chỉ có thông tin riêng về khách hàng của mình.

Một CB hiện đại thông thường bao gồm các module quản lý, có thể kể ra 12 module sau đây:

(1) Module quản lý hồ sơ khách hàng.

- (2) Module xử lý nghiệp vụ tiền gửi.
- (3) Module xử lý nghiệp vụ tín dụng và tài trợ.
- (4) Module xử lý nghiệp vụ thanh toán quốc tế.
- (5) Module xử lý nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ.
- (6) Module xử lý nghiệp vụ chuyển tiền trong nước.
- (7) Module xử lý nghiệp vụ hối đoái.
- (8) Module quản lý tài sản cố định.
- (9) Module quản lý sổ cái.
- (10) Module thông tin quản lý.
- (11) Module xử lý giao diện với hệ thống khác.
- (12) Module quản lý các dịch vụ chung.

Điểm chung nhất các module này là được xử lý hoàn toàn tự động, dựa trên nền tảng thông tin tập trung thống nhất, nhưng có phân chia trách nhiệm rõ ràng và thiết lập được hệ thống xử lý dữ liệu online trên toàn hệ thống, giúp giao dịch viên ở bất kỳ nơi nào cũng có thể truy xuất dữ liệu từ hệ thống dữ liệu của trung tâm.

Về tiện ích của CB, trước đây, mỗi khi cần giao dịch với ngân hàng, khách hàng phải mặt đối mặt tiếp xúc với giao dịch viên sau khi xuất trình chứng minh thư và ký tên giống như mẫu đang lưu trữ tại ngân hàng. Khi cần đi xa, khách hàng phải tạm dừng giao dịch trong suốt thời gian này hoặc ủy quyền cho người tin cậy giao dịch thay. Vì thế, nơi cư ngụ hay làm việc của khách hàng không thể cách trụ sở của ngân hàng quá xa. Mỗi lần dời chỗ, khách hàng phải thay đổi ngân hàng

giao dịch. CB đã giúp cho việc quản lý tài khoản của khách hàng chặt chẽ, hiệu quả hơn: Khách hàng chỉ cần có một mã duy nhất ở ngân hàng là có thể giao dịch với rất nhiều sản phẩm và ở các điểm giao dịch, có thể cùng hoặc không cùng hệ thống ngân hàng. Hơn nữa, với các thành tựu mới trong công nghệ truyền thông điện tử, khách hàng có thể thực hiện một số giao dịch từ xa thông qua các thiết bị liên lạc cá nhân hay công cộng như điện thoại cố định, điện thoại cầm tay, máy vi tính mà không cần phải thân hành đến tận quầy của ngân hàng.

Một tiện ích quan trọng của CB là ngân hàng có thể cung cấp cho khách hàng nghiệp vụ ngân hàng điện tử. Các thuật ngữ phone banking, home banking, e-banking, Internet banking ra đời, chỉ sự vận dụng của tin học vào lĩnh vực ngân hàng. Thực chất, đây không phải là những nghiệp vụ ngân hàng mới trong việc xử lý nguồn vốn hay sử dụng vốn, mà chỉ là những kênh phân phối mới tiện lợi giúp khách hàng tiếp cận các sản phẩm của ngân hàng, nhằm rút ngắn cự ly, tiết kiệm thời gian, phù hợp với thời đại bùng nổ tin học, kết hợp với quan niệm tiếp thị mới: Đưa sản phẩm đến tận tay người sử dụng.

Khi áp dụng công nghệ ngân hàng lõi, do quản lý dữ liệu tập trung nên các ngân hàng thương mại dễ dàng kiểm soát các loại hình rủi ro như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất. Ngân hàng sẽ sử dụng được nguồn vốn của mình một cách hiệu quả hơn và sẽ có thể đa dạng hóa các dịch vụ ngân hàng của mình, mang lại sự tiện dụng cho khách hàng nhằm tăng lợi nhuận và cạnh tranh với các ngân hàng khác.

Ngoài ra, sự ưu việt của phần mềm CB còn ở chỗ chúng chứa tham số rất lớn để mỗi khi ngân hàng muốn phát triển một dịch vụ mới hay sản phẩm mới sẽ dễ dàng hơn, chỉ cần định nghĩa tham số là có thể tạo sản phẩm mới mà không phải sửa chữa vào code chương trình.

Nhiều ngân hàng đã thừa nhận vai trò của CB như là cơ sở để thiết kế và triển khai các sản phẩm dịch vụ, quản lý tài sản và hệ thống khách hàng. Năng lực công nghệ của hệ thống này cũng cho phép ngân hàng cung cấp dịch vụ đảm bảo tính mật và nhanh chóng hơn.

2. Về ứng dụng và đầu tư công nghệ ngân hàng lõi (CB) tại VN

Cách đây hơn 10 năm, CB vẫn còn là điều mới

mẽ đối với hầu hết các ngân hàng tại VN. Vào thời điểm đó, một vài ngân hàng triển khai CB chủ yếu là những ngân hàng lớn, có tiếng tăm và nằm trong dự án hiện đại hoá hệ thống ngân hàng do Ngân hàng Thế giới tài trợ. Bấy giờ, công nghệ ngân hàng lõi đầu tiên được triển khai là Silverlake của Malaysia - một công nghệ đến từ đất nước có lịch sử ngân hàng không có gì nổi bật nhưng họ đã đi trước ta một bước trong hiện đại hóa công nghệ ngân hàng.

Sau những năm đổi mới, hệ thống ngân hàng VN đã xây dựng được một hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống công nghệ thông tin tương đối đồng bộ và hiện đại. Nhiều tiện ích ngân hàng đã được khai thác và sử dụng phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và chủ động hội nhập với khu vực và thế giới.

Trong thời gian từ 1981 -1990, ngành ngân hàng đã thực hiện thay thế dần máy tính điện tử, năm 1986 bắt đầu sử dụng thế hệ máy vi tính đầu tiên tại Hội sở và các chi nhánh, ứng dụng hệ điều hành MS - DOS, cơ sở dữ liệu Foxpro để thực hiện kế toán giao dịch cuối ngày, tổng hợp các cân đối kế toán, tiết kiệm.

Giai đoạn 1990 - 1998 được xem là giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới đối với ngành ngân hàng và các dịch vụ, ứng dụng chính như: khuyến khích mở tài khoản và thanh toán qua ngân hàng, lắp đặt ATM, tham gia hệ thống chuyển tiền quốc tế SWIFT, xử lý giao dịch tức thời trên mạng máy vi tính, thanh toán bù trừ điện tử, chuyển tiền điện tử, thanh toán liên ngân hàng, thanh tra giám sát từ xa, phòng ngừa rủi ro...Ngoài ra, các ngân hàng cũng đã xây dựng được trung tâm công nghệ thông tin riêng với nhiều trang bị phần cứng, phần mềm hệ thống, các sản phẩm công nghệ mới. Quy mô ứng dụng được mở rộng từ Hội sở chính đến các chi nhánh ngân hàng thương mại, hệ thống máy tính được liên kết trên cơ sở mạng diện rộng trong toàn ngành ngân hàng.

Từ 1998, ngành ngân hàng triển khai dự án Hiện đại hoá ngân hàng giai đoạn I. Có thể nói, việc phát triển và ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động ngân hàng đã tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại tăng trưởng và phát triển, nâng cao hiệu quả kinh doanh, năng lực cạnh tranh, thu hút nhiều khách hàng giao dịch và giảm các chi phí kinh doanh của ngân hàng. Hoàn thành giai đoạn I dự án Hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống

thanh toán, các nghiệp vụ chính của ngân hàng đã cơ bản được tin học hoá - hiện đại hoá.

Ngày 17/6/2005, tại Hà Nội, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Lê Đức Thúy và Giám đốc Ngân hàng Thế giới tại VN ông Klaus Rohland đã ký kết Hiệp định tín dụng phát triển cho dự án "Hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán giai đoạn II". Dự án hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán giai đoạn II dựa trên thành công của Dự án giai đoạn I, được ký kết với tổng số vốn đầu tư là 118 triệu USD (trong đó vay WB 106 triệu USD, vốn đối ứng 12 triệu USD) cho 5 tiểu dự án; thời gian thực hiện dự án từ 2005 đến hết 2009) nhằm đáp ứng các nhu cầu cấp thiết sau:

- Nâng cao năng lực cho các trung tâm xử lý của hệ thống thanh toán liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước VN để hệ thống tiếp tục vận hành một cách nhanh chóng, tin cậy và an toàn.

- Giúp các ngân hàng thương mại tham gia dự án hoàn tất việc triển khai các hệ thống mới và bổ sung thêm chức năng mới cho hệ thống thanh toán nội bộ, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về sản phẩm và dịch vụ mới.

Với những thuận lợi đó, hầu hết các ngân hàng thương mại VN đã đầu tư xây dựng công nghệ ngân hàng lõi, cho phép quản trị dữ liệu một cách tập trung tại hội sở chính, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Các ngân hàng ứng dụng CB tại VN

(Số liệu điều tra 41 ngân hàng trong nước, không thống kê ngân hàng nước ngoài)

Bảng 1

Năm	Ngân hàng triển khai	Tổng số	Tên ngân hàng
Trước 2005	7	7	VCB, NNo & PTNT, Công thương, Đầu tư, Lào Việt, Sài Gòn Thương tín, Sài Gòn
2005	2	9	Đông Á, Việt Á
2006	6	15	Đông Nam Á, Kiên Long, VN Thương tín, Quốc Tế, Sài Gòn-Hà Nội, Nam Việt
2007	5	20	VP Bank, Sài Gòn Công thương, Đệ nhất, Nhà ĐBSCL, Thái Bình Dương
2008	5	25	Nhà TP HCM, Đại Tín, An Bình, Phương Đông, CSXH

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước VN

Hiện tại ở VN, có thể kể ra một số CB phổ biến

đã và đang được vận dụng như sau:

- SIBA: Đây là CB có tuổi thọ khá lâu, được phát triển trên nền FOX for DOS, có nhiều tranh cãi nhưng tên tuổi của SIBA vẫn gắn liền với FPT, trước đây được sử dụng rất rộng rãi nhưng tại thời điểm hiện tại không đáp ứng được nhu cầu của các ngân hàng.

- Silverlake: Đây là CB ngoại đầu tiên đến VN và cho đến giờ vẫn đang được dùng ở rất nhiều ngân hàng quốc doanh (trước đây triển khai dưới sự tài trợ của WB): Vietcombank, BIDV, Incombank.v.v

- Smartbank: Đây là niềm tự hào của khối phần mềm FPT nói riêng và phần mềm VN nói chung cho tới thời điểm hiện tại, mặc dù vẫn có nhiều điều bàn cãi. Danh sách khách hàng đã và đang sử dụng Smartbank khá nhiều và không thiếu những tên tuổi lớn: Sacombank, VID Public Bank, Habubank ...v.v.

- Symbol System: Là giải pháp của hãng Sun-Gard System Access (Mỹ), ở VN hiện mới triển khai tại VIBank, HDBank, SaigonBank .

- Temenos (tập đoàn Temenos AG -Thụy Sĩ): Techcombank là ngân hàng đầu tiên sử dụng giải pháp của Temenos, và cho tới hiện tại khá nhiều ngân hàng đang triển khai giải pháp này: Sacombank, SeABank, Ngân hàng Quân đội, VPBank, OCB, ABBank .v.v...

- IFlex: Là giải pháp của hãng Flexcute Ấn Độ, hiện đang được triển khai tại Habubank, Indovina Bank.

Ở VN, việc ứng dụng CB một cách phổ biến tại các ngân hàng thương mại trong những năm gần đây diễn ra như là một xu thế tất yếu. Phần mềm lõi hiện đại này sẽ giúp các ngân hàng cung cấp các dịch vụ hoàn chỉnh thông qua nhiều kênh phân phối (mạng ATM, ngân hàng điện thoại, ngân hàng Internet...), mở rộng quy mô hoạt động của ngân hàng và xử lý khối lượng công việc hoặc giao dịch lớn nhưng không làm tăng chi phí tài nguyên và cơ sở hạ tầng tương ứng.

Hệ thống ATM và POS đến cuối năm 2008

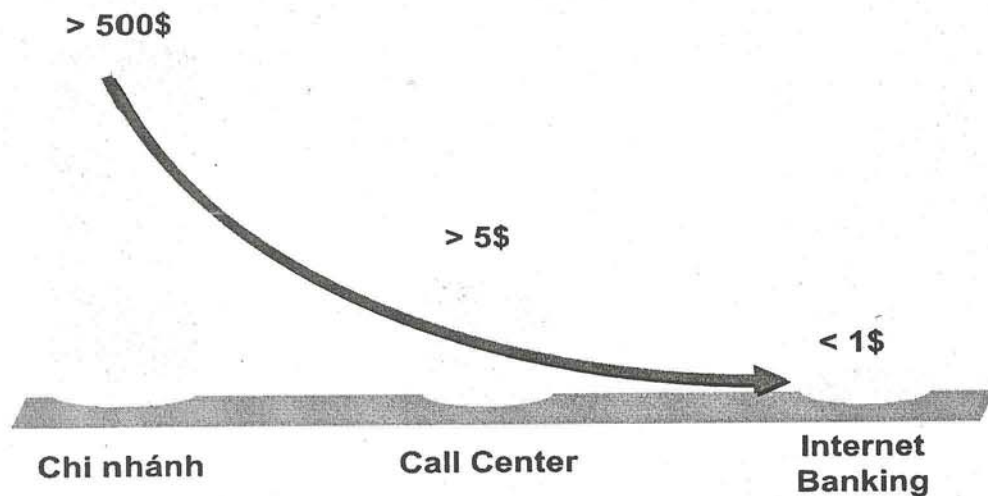
Bảng 2:

Năm	2007	2008
Số máy ATM	4.020	6.889
Số điểm chấp nhận thẻ-POS	12.548	29.215
Tổng số thẻ (32 tổ chức phát hành)	8,4 triệu	14 triệu

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước VN

So sánh chi phí đầu tư cho việc phục vụ một khách hàng khi vận dụng các kênh phân phối mới

Hình 1



Nguồn: Công ty Hệ thống Thông tin FPT

3. Giải pháp khai thác có hiệu quả CB ở VN

Một là, lựa chọn giải pháp kỹ thuật, trang thiết bị tiên tiến để rút ngắn khoảng cách về trình độ công nghệ với các nước phát triển. Xây dựng chương trình phần mềm ứng dụng hợp lý, chuẩn mực quốc tế và phù hợp với điều kiện VN có khả năng kết nối, mở rộng trong môi trường công nghệ cao và hội nhập kinh tế quốc tế.

Hai là, tăng cường hợp tác, liên kết giữa ngân hàng với các tổ chức kinh tế, giữa các hệ thống ngân hàng trong lĩnh vực công nghệ, mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử, đổi mới phương thức phục vụ khách hàng.

Ba là, khi sử dụng hệ thống thông tin mới luôn gắn với việc "làm mới" ngân hàng, phải cải tổ toàn bộ hoạt động từ tổ chức, đào tạo người, quy trình làm việc và đó thực sự là quá trình khó khăn. Đào tạo nguồn nhân lực với trình độ nghiệp vụ, kỹ thuật cao đủ sức tiếp cận được với công nghệ mới. Đặc biệt chú trọng phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin qua công tác đào tạo, đào tạo lại và tuyển dụng mới.

Bốn là, xây dựng chế độ bảo mật an toàn vì trong thương mại điện tử và nghiệp vụ ngân hàng hiện đại, việc đảm bảo an toàn tuyệt đối cho cả hệ thống là ưu tiên hàng đầu.

Năm là, sử dụng biện pháp thích hợp để gia tăng vốn tự có của các NHTM đặc biệt là các NHTM ngoài quốc doanh. Vốn tự có thấp sẽ hạn

chế đến việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đổi mới, nâng cấp trang thiết bị tin học, tạo sự đồng bộ giữa cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ, tương xứng với yêu cầu phát triển.

Sáu là, quan tâm hơn công tác đào tạo cán bộ không chỉ đối với ngân hàng mà còn đối với các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ ngân hàng. Chú trọng đến việc đào tạo cán bộ chuyên sâu để có thể làm chủ công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển dịch vụ trình độ cao trong các giai đoạn tiếp theo.

Và cuối cùng là, đẩy mạnh có hiệu quả công tác tuyên truyền, hướng dẫn nhằm tạo sự hiểu biết về các dịch vụ ngân hàng mới, nhất là các dịch vụ ngân hàng hiện đại cho cộng đồng dân cư và doanh nghiệp, dẫn đến gia tăng số lượng khách hàng sử dụng các dịch vụ đó tương xứng với quy mô đầu tư và mong muốn của ngân hàng.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Cao Bảo- Tổng giám đốc công ty hệ thống thông tin FPT, *Hiện đại hoá công nghệ ngân hàng và quản trị nội bộ- hai vấn đề cốt tử của ngân hàng VN trước thềm hội nhập.*
- Nguyễn Văn Giàu (2008), *Tổng kết hoạt động ngân hàng VN năm 2008*, Cổng TTĐT Chính phủ
- TS. Tạ Quang Tiến-Cục trưởng cục Công nghệ Tin học Ngân hàng, *Tóm lược kết quả dự án hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán.*
- Website Ngân hàng Nhà nước VN: www.sbv.gov.vn